

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PẮC  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 03 - 2021

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lữ Đình Tính.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trịnh Thị Oanh.
2. Ông Nguyễn Ngọc Huỳnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy Vịnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 476/2020/TLST – HNGĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 03 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST – HNGĐ ngày 19 tháng 03 năm 2021 giữa:

+ Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Minh N, sinh năm: 1968 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

HKTT: Số nhà 07, xóm 26/3, thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên hệ: Trường tiểu học Mạc Thị B. Buôn c, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bị đơn: Ông Hoàng Duy P, sinh năm: 1962 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 07, xóm 26/3, thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị Minh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hoàng Duy P chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng kí kết hôn tại UBND xã H, thị xã E, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46 quyển số 01 ngày 05 tháng 12 năm 1989. Sau khi về chung sống với nhau một thời gian thì vợ chồng ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống nên hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhưng vì cuộc sống kinh tế còn nhiều khó khăn, con cái lại còn nhỏ nên bà cố gắng chịu đựng để bảo vệ hạnh phúc gia đình và lo cho các con. Tuy nhiên những năm gần đây tính tình của ông P ngày càng hung dữ, thường xuyên ghen tuông vô cớ, chửi mắng, có lúc còn đánh đập, đe dọa, không cho bà sử dụng điện thoại cũng như máy tính cá nhân làm ảnh hưởng đến công việc của bà vì nghi ngờ bà ngoại tình, ông P hay gây áp lực về tinh thần cho bà, coi thường không tôn trọng bà. Hiện nay bà và ông P đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hoàng Duy P.

Về con chung: Trong thời kỳ chung sống vợ chồng ông bà có 02 con chung là: Hoàng Thị Mai L, sinh năm 1990 và Hoàng Duy T, sinh năm 1992. Hiện nay các con đã đủ 18 tuổi nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hoàng Duy P trình bày: Ông thừa nhận thời điểm kết hôn, con chung, tài sản chung và công nợ chung đúng như nguyên đơn đã trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo ông P do ông ở nhà làm nông còn bà N làm giáo viên thường xuyên ra ngoài xã hội nên ông không tự tin vào bản thân mình và bị người khác tác động nên ông hay ghen tuông vô cớ chửi mắng, xúc phạm bà N, thỉnh thoảng nóng giận lắm ông mới đánh (tát) bà N vài lần. Đến khoảng tháng 10 năm 2020 thì vợ chồng ông bà lại xảy ra mâu thuẫn và bà N đã dọn ra ở riêng. Hiện nay bà N làm đơn ra Tòa án xin được ly hôn với ông thì ông không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng ông quay về đoàn tụ, trường hợp bà N kiên quyết muốn ly hôn với ông thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Hiện nay các con chung của ông bà đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật để các đương sự lên làm việc. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Bùi Thị Minh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn

ông Hoàng Duy P vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Bùi Thị Minh N, ông Hoàng Duy P.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, hội đồng xét xử (HĐXX) và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là vi phạm quyền và nghĩa vụ quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Cho bà Bùi Thị Minh N được ly hôn với ông Hoàng Duy P;

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về tố tụng:**

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Bùi Thị Minh N, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn” được quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm bà Bùi Thị Minh N làm đơn khởi kiện, bị đơn ông Hoàng Duy P cư trú tại thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Bùi Thị Minh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Hoàng Duy P đã được Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc triệu tập đến phiên tòa để xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là hoàn toàn có căn cứ.

#### **[2] Về nội dung:**

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông P là hợp pháp, được pháp luật công nhận thể hiện tại Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 46 quyển số 01 ngày 05 tháng 12 năm 1989 của UBND xã H, thị xã E, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào lời khai của bà N, lời khai của ông P cũng như nội dung thông tin Ban tự quản và Chi hội phụ nữ thôn thôn T, xã H cung cấp, HĐXX nhận định lời khai của bà N là có cơ sở và xác định mâu thuẫn giữa bà N và ông P là trầm trọng, không khắc phục được, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, ông P ghen tuông vô cớ nên thường xuyên xảy ra xung đột, xúc phạm nhau. Do không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà N đã dọn ra ở riêng và vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay ai biết bốn phận người đó, tuy ông P đã xin lỗi rất nhiều lần nhưng bà N không chấp nhận. Xét thấy, có căn cứ về việc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà Bùi Thị Minh N, cho bà N được ly hôn với ông Hoàng Duy P.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng ông bà có 02 con chung là: Hoàng Thị Mai L, sinh năm 1990 và Hoàng Duy T, sinh năm 1992. Hiện nay các con đã đủ 18 tuổi các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Xét thấy, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà Bùi Thị Minh N phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Bùi Thị Minh N được ly hôn với ông Hoàng Duy P.

Về con chung: Bà Bùi Thị Minh N và ông Hoàng Duy P có 02 con chung là: Hoàng Thị Mai L, sinh năm 1990 và Hoàng Duy T, sinh năm 1992. Hiện nay các con đã đủ 18 tuổi nên các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Bùi Thị Minh N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/0016227 ngày 19 tháng 11 năm 2020.

Nguyên đơn bà Bùi Thị Minh N, bị đơn ông Hoàng Duy P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- THADS huyện K;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã H;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Lữ Đình Tính**